HUY ĐỘNG CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP CỦA DÂN TRONG TÀI CHÍNH CÔNG CẤP CƠ SỞ Ở NÔNG THÔN VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG

Mobilization of People's Contributions to Grass Root Public Finance in Rural Areas of the Red River Delta, Vietnam

Kim Thị Dung và Nguyễn Thị Hương

Khoa Kế toán và Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội
Địa chỉ email tác giả liên hệ: *kimthidung.hua@gmail.com*
Ngày gửi đăng: 28.12.2010; Ngày chấp nhận: 15.3.2011

TÓM TẮT

Trên cơ sở kết quả khảo sát thực tế ở 6 xã thuộc 3 huyện đại diện cho 3 tỉnh của vùng đồng bằng sông Hồng, nghiên cứu này đã phân tích thực trạng thực hiện việc huy động các khỏan đóng góp của dân trong tài chính công cấp cơ sở ở nông thôn vùng đồng bằng sông Hồng, bao gồm các khỏan đóng góp như thuế, phí và lệ phí, các quỹ công chuyên dùng và các quỹ của các đoàn thể xã hội. Số lượng các khoản đóng góp tối thiểu và tối đa từ 6 - 15 khoản. So với năm 2007, số khoản đóng góp giảm 2 - 3 khoản. Tuy nhiên giá trị đóng góp của hộ dân vào ngân sách xã bình quân năm 2007-2009 chỉ giảm hơn 10% ở các xã phát triển và vẫn tăng ở các xã kém phát triển. Tỷ trọng các khoản thu của các hộ dân đóng góp trong ngân sách xã năm 2009 chiếm từ 9,3 - 90,3% tùy mỗi địa phương. Các huyện có kinh tế khá thì tỷ trọng đóng góp của các hộ dân vào ngân sách xã càng cao. Giá trị các khoản đóng góp của hộ chiếm trong tổng thu nhập của hộ từ 0,58% đến 3,15%. Các xã có kinh tế phát triển, tỷ lệ các khoản đóng góp của hộ trong tổng thu nhập của hộ nhỏ hơn so với các xã chưa phát triển. Mặc dù một số khoản thu theo quy định của Nhà nước đã được miễn nhưng tại các địa phương đến nay vẫn còn thu dưới hình thức vận động.

Từ khóa: Đóng góp của dân, huy động, tài chính công cấp cơ sở.

SUMMARY

Based on an investigation and surveys conducted in 6 communes of 3 representative districts of the Red River Delta, the research examined current status of mobilization of people's contribution to grass root public finance in the studied areas including tax and fee payments, specialized public funds and funds of mass social mass organizations. The research pointed out that a number of payment items that people contributed to public funds ranged from 6 to 15. The number of payment items has been reduced about 2 to 3 compared with that in 2007. However, the value of people's contribution to commune's budget on averaged 2007-2009, downed about more than 10% in healthy communes and continued increasing in the poor communes. The share of people's contribution to commune budget in 2009 amounted from 9.3% to 90.3%. The more developed district is the higher share of people contribution to commune budget. The share of people income contributed to public finance in total household income occupied from 0.58% to 3.15%. This proportion in the healthy communes was smaller than that in the poor commune. Although some payment items required contributed to public funds has been exempted by the central Government, the commune's authorities in the studied areas were found still mobilizing people's income for those funds.

Key words: Mobilization, People's contribution, Grass root public Finance.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong những năm qua, chính sách huy động sức dân đóng góp trong tài chính công cấp cơ sở dưới nhiều hình thức đã đạt được những thành tựu đáng kể trong phát triển kinh tế xã hội ở nước ta. Tuy nhiên, một số địa phương còn nôn nóng, huy động quá mức so với thu nhập của nhân dân, vô tình tạo

thành gánh nặng cho người dân trong điều kiện thu nhập còn thấp, đời sống khó khăn. Năm 2007, số lượng các khoản đóng góp của nông dân tại 7 vùng kinh tế của cả nước tùy theo từng vùng là từ 17 - 28 khoản, với mức tiền đóng góp thấp nhất là 250 nghìn đồng, cao nhất lên tới 800 nghìn đồng/hộ/năm (Uỷ ban Tài chính - Ngân sách Quốc hội, 2008). Nhằm khắc phục tình trạng "loạn thu" những khoản không hợp lý đối với người dân, Thủ tướng Chính phủ đã có Chỉ thị số 24/2007/CT-TTg ngày 01 tháng 11 năm 2007 về tăng cường chấn chỉnh việc thực hiện các quy định của pháp luật về phí, lệ phí, chính sách huy động và sử dụng các khoản đóng góp của nhân dân. Bộ Tài chính đã có công văn số 6189/BTC ngày 29/4/2009 về việc tăng cường chỉ đạo, kiểm tra, rà soát việc huy động đóng góp của nhân dân, bãi bỏ một số khoản đóng góp không đúng quy định hoặc không đúng với tinh thần tự nguyện của nhân dân (2009). Vậy, thực trạng trong nông thôn vùng đồng bằng sông Hồng người dân nông thôn đang phải đóng góp các khoản gì, đóng góp như thế nào, theo cơ chế nào? Liệu các khoản đóng góp của người dân có vai trò quan trọng và cần thiết trong tài chính công cấp cơ sở? Đó là những vấn đề đặt ra cần nghiên cứu.

Mục tiêu cơ bản của chuyên đề này là nhằm góp phần phản ánh thực trạng huy động và làm rõ vai trò của các khoản đóng góp của người dân nông thôn trong tài chính công cấp cơ sở ở vùng đồng bằng sông Hồng.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Chọn điểm nghiên cứu

Ba tỉnh đại diện cho vùng đồng bằng sông Hồng là Thái Bình, Bắc Ninh và Hưng Yên được chọn làm điểm nghiên cứu. Trong mỗi tỉnh chọn 1 huyện đại diện: Yên Phong (Bắc Ninh), Văn Lâm (Hưng Yên) và Vũ Thư (Thái Bình). Trong mỗi huyện, chọn 2 xã đại diện gồm 1 xã kinh tế phát triển (PT) và 1 xã kinh tế chưa phát triển (CPT) (Bảng 1).

2.2. Phương pháp thu thập thông tin, số liệu

2.2.1. Thu thập thông tin, số liệu đã công bố

Thông tin, số liệu đã công bố bao gồm các vấn đề liên quan đến tài chính công cấp cơ sở được thu thập từ các văn bản pháp quy, quy định về đóng góp của dân trong tài chính công cấp cơ sở, đó là các văn bản chính sách của Chính phủ, của UBND các tỉnh, các bộ ngành như Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và PTNT… được thu thập từ các nguồn sách, báo, tạp chí chuyên ngành, mạng internet. Tình hình kinh tế - xã hội của cấp huyện và xã trong diện nghiên cứu được thu thập từ những cơ quan liên quan đến tài chính công như phòng Tài chính-kế hoạch, phòng Kinh tế của huyện, ban Tài chính và Ngân sách xã, UBND xã.

2.2.2. Thu thập số liệu mới

Các số liệu mới được thu thập từ hộ nông dân bằng cách mỗi xã phỏng vấn 30 hộ đại diện thông qua bảng câu hỏi, bao gồm hộ giàu, hộ trung bình và hộ nghèo theo tiêu chí phân loại hộ và tỷ lệ giàu nghèo ở mỗi xã điểm nghiên cứu.

Tổng cộng có 180 hộ được phỏng vấn, trong đó 30 hộ giàu, 120 hộ trung bình và 30 hộ nghèo. Ngoài ra, nghiên cứu còn sử dụng các phương phương pháp PRA như phỏng vấn nhóm, thảo luận nhóm để thu thập thông tin.

Bảng 1. Các tỉnh, huyện và xã được chọn làm điểm nghiên cứu

Tỉnh	Thái Bình	Hưng Yên	Bắc Ninh
Huyện	Vũ Thư	Văn Lâm	Yên Phong
Xã kinh tế khá	Song An (PT)	Tân Quang (PT)	Đông Thọ (PT)
Xã còn nghèo	Tam Quang (CPT)	Đại Đồng (CPT)	Dũng Liệt (CPT)

2.3. Phương pháp phân tích số liệu

Phương pháp thống kê mô tả và thống kê so sánh được sử dụng chủ yếu trong phân tích dữ liệu. Trong đó, phương pháp thông kê mô tả: dùng số tuyệt đối và số tương đối để mô tả và phản ánh quy mô và tỷ trọng của các khoản đóng góp; Phương pháp thống kê so sánh được sử dụng với các khoản đóng góp của dân trong tài chính công cấp cơ sở và các chỉ tiêu phân tích, so sánh giữa các xã phát triển và các xã chưa phát triển, giữa các loại hộ giàu, trung bình và nghèo.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Thực trạng chính sách và các quy định về huy động các khoản đóng góp cho tài chính công cấp cơ sở ở nông thôn

Tài chính công cấp cơ sở bao gồm: 1) Ngân sách xã, phường, thị trấn, 2) Các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn theo quy định của pháp luật, bao gồm như các quỹ công chuyên dùng của xã, phường, thị trấn; tài chính các hoạt động sự nghiệp của xã, phường, thị trấn và các hoạt động tài chính khác của thôn, bản, tổ chức đoàn thể... theo quy định của pháp luật (UNDP..., 2008 và Kim Thị Dung, 2010).

Kết quả tìm hiểu thực tế cho thấy, cho đến nay, đã có 16 văn bản pháp quy do Uỷ bản Thường vụ Quốc hội, Chính phủ hay Bộ Tài chính ban hành và hướng dẫn liên quan đến đóng góp của dân trong tài chính công cấp cơ sở. Dựa trên các văn bản này, UBND các tỉnh ban hành hướng dẫn cụ thể thu các khoản đóng góp của dân. UBND các huyện quyết định giao chỉ tiêu huy động các khoản đóng góp cụ thể cho các xã, bao gồm:

3.1.1. Các loại thuế

Thời gian qua, Chính phủ quy định các mức và hình thức thu các loại thuế đối với người dân nông thôn gồm các loại thuế: nhà đất, sử dụng đất nông nghiệp, chuyển quyền sử dụng đất, môn bài, VAT và thuế thu nhập doanh nghiệp. Mức đóng các loại thuế này được quy định theo luật. Tuy nhiên, đối với thuế sử dụng đất nông nghiệp, từ năm 2003, Chính phủ đã bãi bỏ thu thuế đất nông nghiệp trong hạn điền. Các hộ canh tác diện

tích đất nông nghiệp ngoài hạn điền, đất 5% vẫn phải nộp thuế suất nhất định.

3.1.2. Các loại phí và lệ phí

Các loại phí và lệ phí mà người dân phải đóng góp bao gồm: phí và lệ phí hành chính công như phí làm hộ tịch, hộ khẩu, lệ phí chứng thực...; các khoản phí và lệ phí của dịch vụ công như phí vệ sinh môi trường, bảo vệ thực vật, bảo vệ đồng ruộng, dịch vụ thủy nông, xây dựng giao thông nội đồng; phí sử dụng các tài sản công như các phí sử dụng đường bộ, qua cầu phà, đấu giá, họp chợ nông thôn, v.v...

Đối với các loại phí và lệ phí thì mức thu tùy từng loại được áp dụng theo quy định của UBND tỉnh hoặc trên cơ sở được UBND tỉnh phân cấp, UBND xã căn cứ vào tình hình thực tế xây dựng mức quy định cụ thể.

3.1.3. Các loại quỹ

Theo tính chất, có hai loại quỹ: quỹ công chuyên dùng của xã và các quỹ do các tổ chức đoàn thể xã hội thu. Các quỹ công chuyên dùng thu của người dân ở cơ sở thường bao gồm: quỹ chăm sóc và bảo vệ trẻ em, quỹ phòng chống lụt bão, quỹ an ninh quốc phòng, quỹ đền ơn đáp nghĩa và quỹ xây dựng cơ sở hạ tầng địa phương. Các khoản đóng góp của 4 loại quỹ đầu do UBND tỉnh quy định và hướng dẫn, UBND xã giao cho thôn thu sau đó nộp cho xã, xã nộp cấp trên hoặc quản lý sử dụng theo quy định của UBND tỉnh đối với mỗi loại quỹ. Các quỹ này

được thu và sử dụng theo quy định của UBND tỉnh. Trước đây các khoản quỹ này là đóng góp bắt buộc nay chuyển thành dưới hình thức vận động. Tuy nhiên, thực tế thì cấp trên vẫn giao chỉ tiêu cho cấp xã phải thực hiện. Riêng quỹ xây dựng cơ sở hạ tầng được thực hiện theo Nghị định 24/1999/NĐ-CP của Chính phủ, việc huy động quỹ đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng phải do nhân dân bàn bạc, quyết định trên cơ sở dân chủ công khai, quyết định theo đa số.

Các quỹ công chuyên dùng nêu trên thực hiện thu từ năm 1994 đến năm 2007. Các khoản thu này thực sự là gánh nặng cho người nghèo ở nông thôn. Đến năm 2007, theo Chỉ thị số 24 CT-TTg, Chính phủ bãi bỏ việc thu bắt buộc ba loại quỹ an ninh quốc phòng, phòng chống thiên tai và quỹ chăm sóc trẻ em. Khoản thu đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng, UBND các tỉnh quy định hướng dẫn cho phép trên cơ sở nghị quyết của HĐND xã khi có công trình phát sinh, không đưa vào ngân sách xã quản lý.

Các quỹ đóng góp do các tổ chức đoàn thể xã hội thu bao gồm các khoản đóng góp theo qui định của các đoàn thể, mang tính chất tự nguyện và vận động, như quỹ Hội Người cao tuổi, Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên,... Các khoản đóng góp này do các đoàn thể, các tổ chức xã hội thu và sử dụng. Ngoài các quỹ trên, các hộ có thể đóng góp theo quy định mang tính chất tự nguyên cho các hoạt động của thôn.

3.2. Thực trạng thực hiện đóng góp của dân cho tài chính công cấp cơ sở ở các xã được điều tra

3.2.1. Tình hình đóng thuế của các hộ

Thực tế ở các xã điều tra cho thấy, tùy theo hoàn cảnh và đặc điểm kinh tế của các hộ gia đình mà mỗi hộ trong các xã nghiên cứu có thể đóng từ 1 đến 5 khoản thuế. Ý thức chấp hành các luật thuế của các hộ dân nông thôn là cao. Tỷ lệ các khoản thuế của các hộ dân đóng góp vào ngân sách của các xã chiếm từ 15,3 - 17,8% ở Yên Phong, 11,9 - 24,3% ở Văn Lâm và 5,1 - 6,4% ở Vũ Thư. Như vậy, các huyện thuần nông như Vũ Thư có tỷ trọng thuế trong ngân sách xã là thấp nhất. Tỷ trọng các khoản thuế các hộ đóng góp trong tổng thu ngân sách xã khoảng 5,1% đến 6,4% ở huyện thuần nông và 12,0% đến 24,3% ở các huyện có công nghiệp và dịch vụ phát triển (Bảng 2).

Bảng 2. Tỷ lệ các khoản thuế đóng góp trong tổng thu ngân sách xã năm 2009 ở các xã nghiên cứu (%)

	Yên Phong		Văn Lâm		Vũ Thư	
	Đông Thọ (PT)	Dũng Liệt (CPT)	Tân Quang (PT)	Đại Đồng (CPT)	Song An (PT)	Tam Quang (CPT)
Tổng các thuế	17,8	15,3	24,3	11,9	6,4	5,1
Thuế môn bài	0,3	1,0	0,4	0,9	0,5	0,6
VAT + Thuế TNDN	1,9	8,2	19,9	4,1	2,5	1,4
Thuế sử dụng đất nông nghiệp	0,0	0,0	0,1	1,5	0,2	0,1
Thuế nhà đất	1,0	6,1	1,5	5,1	3,2	3,0
Thuế chuyển quyền SDĐ	14,6	0,0	2,5	0,3	0,0	0,0

Nguồn: Tổng hợp từ ngân sách các xã

Bảng 3. Tỷ lệ các khoản phí và lệ phí dân đóng góp trong tổng thu ngân sách xã năm 2009 ở các xã nghiên cứu (%)

	Yên Phong		Văn Lâm		Vũ Thư	
	Đông Thọ (PT)	Dũng Liệt (CPT)	Tân Quang (PT)	Đại Đồng (CPT)	Song An (PT)	Tam Quang (CPT)
Phí và lệ phí	1,0	2,0	9,0	4,9	2,0	0,6
- Lệ phí trước bạ	6,5	0,6	8,6	2,2	1,3	0,4
- Phí và lệ phí khác	0,5	1,4	0,4	2,8	0,7	0,2

Nguồn: Tổng hợp từ ngân sách các xã

3.2.2. *Tình hình nộp phí và lệ phí*

Các hộ nộp phí và lệ phí cho các dịch vụ hành chính công, dịch vụ công và phí sử dụng tài sản công. Tuy nhiên, chỉ có các loại phí cơ bản là lệ phí trước bạ và phí và lệ phí cho các dịch vụ hành chính công và phí sử dụng tài sản công được phản ánh trong các nguồn thu của ngân sách xã dưới mục phí và lệ phí. Các khoản phí và lệ phí này các xã đều thực hiện theo quy định của các tỉnh, mức thu ở các địa phương giống nhau, cụ thể là lệ phí trước bạ thu 0,5% giá trị chuyển nhượng, phí và lệ phí khác thu từ 2.000 - 20.000 nghìn đồng/ lần. Bảng 3 cho thấy, kết quả thu phí và lệ phí chiếm trong tổng thu ngân sách là 1,0 - 2,0% ở Yên Phong, 4,9% - 9,0% ở Văn Lâm và 0,6 - 2,0% ở Vũ Thư.

Các khoản lệ phí của dịch vụ công gồm phí vệ sinh môi trường, phí bảo vệ thực vật, phí bảo vệ đồng ruộng, dịch vụ thủy nông, phí xây dựng giao thông nội đồng. Các khoản phí này không được đưa vào ngân sách xã, do thôn quản lý (Bảng 4).

Bảng 4 cho thấy, xã thuần nông thì mức phí này cao hơn so với xã có ngành nghề và dịch vụ phát triển. Như vậy, huyện thuần nông có mức thu phí cao gấp gần 3 lần so với các huyện không thuần nông. Theo Nghị định 115/2008/NĐ-CP của Chính phủ ngày 14/11/2008 thì các hộ nông dân được miễn thủy lợi phí. Mặc dù vậy, nông dân vẫn phải đóng phí dịch vụ thủy nông bao gồm thủy nông nội đồng và xây dựng thủy lợi nội đồng.

3.2.3. *Tình hình đóng các loại quỹ*

a) Nhóm các quỹ do xã thu

Nhóm quỹ do xã thu bao gồm: quỹ phòng chống thiên tai, quỹ an ninh quốc phòng, quỹ chăm sóc trẻ em, quỹ đền ơn đáp nghĩa (Bảng 5).

Từ năm 2008, theo Chỉ thị số 24 CT-TTg, Chính phủ bãi bỏ thu ba loại quỹ an ninh quốc phòng, quỹ phòng chống thiên tai và quỹ chăm sóc trẻ em. Tuy nhiên, tất cả các xã và huyện trong điểm nghiên cứu đều thu các quỹ trên với mức thu, phương thức thu khác nhau. Theo quy định, các quỹ này đều được thu dưới hình thức vận động nhưng thực tế thì vẫn là thu bắt buộc.

Cơ sở để thu các quỹ này là số lao động, hộ hay diện tích canh tác, rất khác nhau giữa các địa phương. Quỹ phòng chống thiên tai thu theo lao động ở tất cả các huyện. Quỹ an ninh quốc phòng thu theo lao động ở huyện Yên Phong (Bắc Ninh) và theo hộ ở huyện Vũ Thư (Thái Bình). Quỹ chăm sóc trẻ em thu theo hộ ở Yên Phong và Văn Lâm, theo đầu sào ở huyện Vũ Thư. Việc thu quỹ chăm sóc trẻ em theo diện tích đất nông nghiệp của các hộ đã tạo nên sự không công bằng giữa nông dân và các đối tượng làm công ăn lương, phi nông nghiệp. Quỹ đền ơn đáp nghĩa thu theo hộ ở Vũ thư và theo lao động ở Yên Phong.

b) Nhóm các quỹ do các tổ chức đoàn thể xã hội thu

Các quỹ do các tổ đoàn thể xã hội thu ở các xã nghiên cứu bao gồm: quỹ vì người nghèo, quỹ xây dựng cơ sở hạ tầng, quỹ khuyến học, quỹ của các hội (Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên và Hội Người cao tuổi). Các quỹ này được lập ra dưới sự đồng thuận và nhất trí của các thành viên của các tổ chức. Mức thu của các quỹ rất khác nhau và mang tính chất vận động, tự nguyện (Bảng 6).

Bảng 4. Mức đóng góp các khoản phí dịch vụ công trong năm 2009 ở các xã nghiên cứu

Các loại	Yên Phong		Văn Lâm		Vũ Thư	
	Đông Thọ	Dũng Liệt	Tân Quang	Đại Đồng	Song an	Tam Quang
Phí vệ sinh môi trường	3000 đ/ người/tháng	-	5000 đ/hộ /tháng	4000 đ/hộ/ tháng	4000 đ /hộ/ tháng	2000 đ/hộ / tháng
Phí bảo vệ thực vật	2,5 kg thóc/sào	2,5 kg thóc/ sào	2,50 kg thóc/ sào	2,50 kg thóc/ sào	2,38 kg thóc/ sào	3,15 kg thóc / sào
Phí bảo vệ đồng ruộng	3000 đ/ sào/ vụ	3000 đ/ sào/ vụ	0,5 kg thóc/ sào/ vụ	0,5 kg đ/ sào/ vụ		
Phí thủy nông nội đồng	5 - 8 kg thóc/ sào/ vụ	5 kg thóc /sào/vụ		-	3,24 kg thóc/sào	2,94 kg/thóc/sào
Phí xây dựng thủy lợi nội đồng	1,5 - 6,5 kg thóc / sào	-	-	-		

Nguồn: Kết quả khảo sát tại các điểm nghiên cứu

Bảng 5. Mức đóng góp các quỹ do xã thu năm 2009 ở các xã nghiên cứu

Các loại quỹ	Tính chất	Yên Phong		Văn Lâm		Vũ Thư	
		Đông Thọ	Dũng Liệt	Tân Quang	Đại Đồng	Song An	Tam Quang
Quỹ phòng chống thiên tai	Vận động	4000 đ/ lao động/năm	4000 đ/lao động/năm	1 kg thóc/lao động/năm	1 kg thóc/lao động/năm	1 kg thóc/lao động/năm	1 kg thóc/ lao động/ năm
Quỹ an ninh quốc phòng	Vận động	1 kg thóc/ sào /vụ	3000 đ/ lao động/năm	1 kg thóc/lao động/ năm	1 kg thóc/lao động/năm	5000 đ/ hộ/năm	5000 đ/ hộ/năm
Quỹ bảo vệ trẻ em	Vận động	10 nghìn đ/hộ/năm	10 nghìn đ/hộ	5000 đ/hộ/năm	2 kg thóc/lao động/năm	1 kg thóc/sào	1 kg thóc/sào
Quỹ đền ơn đáp nghĩa	Vận động	3000 đ/lao động nông nghiệp 10 nghìn đ/ lao động khác	3000 đ/lao động nông nghiệp 10 nghìnđ/ lao động khác	5000 đ/hộ/năm	2 kg thóc/lao động/năm	10 nghìn đ/hộ/năm	5000 đ/ hộ/năm

Nguồn: Kết quả khảo sát ở các điểm nghiên cứu

Bảng 6. Mức đóng góp tối thiểu các quỹ do các đoàn thể xã hội thu năm 2009 ở các xã nghiên cứu (thu theo tính chất tự nguyện)

Các loại quỹ	Đơn vị tính	Yên Phong		Văn Lâm		Vũ Thư	
		Đông Thọ	Dũng Liệt	Tân Quang	Đại Đồng	Song An	Tam Quang
Quỹ vì người nghèo:							
- Hộ nông nghiệp	Ngàn đồng/hộ	10	10	Tùy mức	Tùy mức	Tùy mức	Tùy mức
- Hộ kinh doanh		30	30				
Quỹ xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn	Ngàn đồng/hộ	100 - 200	100 - 200	Tùy xã, thôn	Tùy xã, thôn	-	(1 công/ lao động
Quỹ Khuyến học	Ngàn đồng/hộ	Tùy mức	Tùy dòng họ	Tùy dòng họ	Tùy mức	10	20
Quỹ Hội Nông dân	Ngàn đồng/ hội viên	6	5	1 kg thóc	-	-	6 /lao động
Quỹ Hội Phụ nữ	Ngàn đồng/ hội viên	8	10	15	5	5	5
Quỹ Đoàn Thanh niên	Ngàn đồng/ đoàn viên	15	12	10	10	5	-

Nguồn: Kết quả khảo sát tại các điểm nghiên cứu

3.2.4. Số lượng và mức đóng góp của các hộ trong tài chính công cấp cơ sở

a) Số lượng các khoản đóng góp của các hộ

Số lượng các khoản đóng góp tối thiểu và tối đa từ 6-15 khoản ở Yên Phong, 7-15 khoản ở Văn Lâm và 6-13 khoản ở Vũ Thư (Bảng 7).

Chỉ thị số 24 CT-TTg của Chính phủ bãi bỏ thu một số loại quỹ và phí theo hướng "khoan sức dân". Vì vậy, số lượng tối đa các khoản đóng góp này so với năm 2007 giảm được từ 2 - 3 khoản ở hầu hết các huyện. Tuy nhiên, việc thực hiện các quyết định của Chính phủ ở các địa phương chưa thật triệt để. Các hộ dân vẫn phải đóng một số quỹ lẽ ra không phải đóng như quỹ an ninh quốc phòng, quỹ phòng chống lụt bão, quỹ bảo vệ trẻ em, quỹ đền ơn đáp nghĩa. Nhìn chung, huyện thuần nông như Vũ Thư có số lượng các khoản đóng góp ít hơn so với huyện kinh tế phát triển như Văn Lâm và Yên Phong.

b) Kết quả đóng góp của dân vào ngân sách xã

Xã có kinh tế khá mức thu ngân sách xã cao gấp từ 1,43 đến 2,7 lần so với các xã nghèo. Theo thời gian, nguồn thu ngân sách có xu hướng giảm (tốc độ phát triển bình quân ba năm chỉ đạt 91,3%), các xã khác đều có mức tăng khá về ngân sách (tăng 24,2% - 38,6%) (Bảng 8). Các khoản thu của dân trong ngân sách xã bao gồm các loại thuế (môn bài, nhà đất, chuyển quyền sử dụng đất, VAT, thu nhập doanh nghiệp và thuế sử dụng đất nông nghiệp ngoài hạn điền), các phí và lệ phí (dịch vụ hành chính công, sử dụng tài sản công và trước bạ), các khoản đóng góp tự nguyện và theo quy định, các khoản thu khác... Một phần các quỹ công chuyên dùng và toàn bộ các khoản quỹ do các tổ chức đoàn thể thu và phí dịch vụ công không phản ánh trong ngân sách xã.

Nhìn chung, giá trị tuyệt đối các khoản đóng góp của dân vào ngân sách xã biến động qua các năm. Xã có kinh tế khá, mức đóng góp của các hộ dân trong ngân sách xã gấp từ 4,0 lần đến 4,9 lần so với các xã có kinh tế chưa phát triển.

Tỷ trọng các khoản thu của các hộ dân đóng góp trong ngân sách xã năm 2009 chiếm từ 33,5% - 40,1% ở Yên Phong, 50,3% - 90,3% ở Văn Lâm và 9,3% - 33,6% ở Vũ Thư. Tỷ lệ này tỷ lệ thuận với thu nhập của các hộ. Thực tế này nói lên rằng các huyện có kinh tế khá thì tỷ trọng đóng góp của các hộ dân vào ngân sách xã càng cao.

Theo các nhóm xã, xã có kinh tế phát triển thì tỷ trọng đóng góp từ 33,6% đến 90,3% tổng ngân sách xã. Xã kém phát triển thì tỷ lệ này chỉ chiếm 9,3% - 33,6%. Như vậy, tỷ lệ đóng góp của dân trong tài chính công cấp cơ sở ở các xã có kinh tế khá cao gấp 2,7- 3,6 lần so với các xã kém phát triển. Các xã kém phát triển mức đóng góp của dân ít hơn nhiều so với các xã phát triển. Nếu so giữa các năm, tốc độ phát triển bình quân ba năm 2007-2009 về mức độ đóng góp của dân trong tài chính công cấp cơ sở có xu hướng giảm (từ 13,8 đến 94,6%) (Bảng 8). Điều này thể hiện tinh thần khoan sức dân của chính phủ đã được thực hiện ở các địa phương.

Bảng 7. Số khoản đóng góp tối thiểu và tối đa của các hộ trong năm 2009 ở các xã nghiên cứu

Chỉ tiêu	Yên Phong		Văn Lâm		Vũ Thư	
	Đông Thọ (PT)	Dũng Liệt (CPT)	Tân Quang (PT)	Đại Đồng (CPT)	Song An (PT)	Tam Quang (CPT)
Tổng số khoản đóng góp	8-15	6-14	10-15	7-13	6-13	8-13
1.Đóng góp theo quy định	5-7	3-5	5-7	3-5	2-5	3-5
2. Đóng góp tự nguyện và vận động	3-8	3-9	5-8	4-8	4-8	5-8

Nguồn: Tổng hợp từ phiếu điều tra hộ dân

Bảng 8. Kết quả đóng góp của dân vào ngân sách xã

Chỉ tiêu	Yên Phong		Văn Lâm		Vũ Thư	
	Đông Thọ (PT)	Dũng Liệt (CPT)	Tân Quang (PT)	Đại Đồng (CPT)	Song An (PT)	Tam Quang (CPT)
NĂM 2007						
1. Tổng thu ngân sách xã (triệu đ)	2753,0	997,1	6749,3	2083,9	1414,7	1204,8
2. Thu tư dân vào ngân sách xã (triệu đ)	2281,3	310,8	6611,3	1385,9	499,5	285,1
3. Tỷ lệ dân đóng góp ngân sách xã (%)	82,9	31,2	98,0	66,5	35,3	23,7
- Thuế (%)	8,8	7,9	8,8	7,2	8,8	12,7
- Phí và lệ phí (%)	1,1	1,7	1,0	5,0	2,2	8,0
- Đóng góp tự nguyện và quỹ quy định (%)	70,5	3,5	12,9	20,7	0,4	0,3
- Thu khác (%)	2,5	17,9	75,2	33,6	23,9	2,6
NĂM 2008						
1. Tổng thu ngân sách xã (triệu đ)	3664,0	849,8	7269,1	4189,5	2255,7	2255,3
2. Thu tư dân vào ngân sách xã (triệu đ)	2406,7	288,8	6931,1	2031,5	928,1	187,1
3. Tỷ lệ dân đóng góp ngân sách xã (%)	65,7	34,0	95,4	48,5	41,1	8,3
- Thuế (%)	3,1	10,1	10,7	6,5	11,6	5,3
- Phí và lệ phí (%)	0,9	4,4	1,3	1,8	4,8	0,5
- Đóng góp tự nguyện và quỹ quy định (%)	44,0	1,8	80,7	38,1	0,3	0,2
- Thu khác (%)	17,7	12,7	2,6	2,1	24,5	2,2
NĂM 2009						
1. Tổng thu ngân sách xã (triệu đ)	4296,7	1589,5	5444,0	1982,0	2267,2	2028,3
2. Thu tư dân vào ngân sách xã (triệu đ)	1723,7	533,5	4918,0	996,0	760,8	188,4
3. Tỷ lệ dân đóng góp ngân sách xã (%)	40,1	33,5	90,3	50,3	33,6	9,3
- Thuế (%)	17,8	15,3	24,3	11,9	6,4	5,1
- Phí và lệ phí (%)	1,0	2,0	9,0	4,9	2,0	0,6
- Đóng góp tự nguyện và quỹ quy định (%)	13,1	9,0	12,8	17,0	0,3	0,2
- Thu khác (%)	8,3	27,2	44,1	16,4	24,9	3,4
TỐC ĐỘ PHÁT TRIỂN BÌNH QUÂN BA NĂM						
Tổng thu ngân sách xã	125,2	136,1	91,3	124,2	130,0	138,6
Thu từ dân vào ngân sách xã (triệu đ)	88,6	138,8	87,9	97,8	133,9	83,2
Tỷ trọng đóng góp của dân vào ngân sách (%)	62,9	32,9	94,6	55,1	36,7	13,8

Nguồn: Tổng hợp từ ngân sách xã tại các điểm nghiên cứu

Các xã phát triển cũng có tỷ trọng đóng góp của thuế trong ngân sách xã nhiều hơn so với các xã kém phát triển. Điều này nói lên rằng ở huyện kinh tế phát triển, công nghiệp và dịch vụ nhiều thì thuế là nguồn thu chính. Đóng góp của các khoản phí và lệ phí trong ngân sách xã chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ, giữa các xã chỉ dao động từ 0,6% đến 5% (Bảng 8).

Đóng góp tự nguyện và quy định của các hộ dân: loại trừ huyện thuần nông (Vũ Thư), tỷ trọng các khoản đóng góp này chiếm từ

9% đến 17%. Nhìn chung, không có tính quy luật giữa xã khá và xã kém về các tỷ lệ này.

Giá trị các khoản đóng góp của hộ chiếm trong tổng thu nhập của hộ từ 0,58% đến 0,75% ở Yên Phong, 1,42% - 1,99% ở Vũ Thư và 2,93% - 3,15% ở Văn Lâm. Các xã có kinh tế phát triển, tỷ lệ các khoản đóng góp của hộ trong tổng thu nhập của hộ nhỏ hơn so với các xã chưa phát triển loại trừ trường hợp xã Tân Quang huyện Văn Lâm.

4. KẾT LUẬN

Người dân nông thôn đã và đang đóng góp các khoản trong tài chính công cấp cơ sở bao gồm các khoản đóng góp mang tính chất bắt buộc theo luật định và quy định như các loại thuế, lệ phí hành chính công, phí dịch vụ công và phí sử dụng yài sản công và các khoản đóng góp mang tính chất vận động, tự nguyện như các quỹ công chuyên dùng và quỹ của các tổ chức đoàn thể xã hội. Số lượng khoản đóng góp năm 2009 có giảm 2 - 3 khoản so với năm 2007. Tuy nhiên, mức giá trị đóng góp giảm không nhiều. Giá trị các khoản đóng góp của hộ chiếm trong tổng thu nhập của hộ từ 0,58% đến 0,75% ở Yên Phong, 1,42% đến 1,99% ở Vũ Thư và 2,93% đến 3,15% ở Văn Lâm. Các xã có kinh tế phát triển, tỷ lệ các khoản đóng góp của hộ trong tổng thu nhập của hộ nhỏ hơn so với các xã chưa phát triển loại trừ trường hợp xã Tân Quang (huyện Văn Lâm).

Các khoản đóng góp của dân có vai trò khá quan trọng trong tổng thu ngân sách xã. Tỷ trọng các khoản thu của dân đóng góp trong ngân sách xã năm 2009 chiếm từ 33,5% - 40,1% ở Yên Phong, 50,3% - 90,3% ở Văn Lâm và 9,3% - 33,6% ở Vũ Thư. Tỷ lệ này tỷ lệ thuận với thu nhập của các hộ dân. Tuy nhiên, tốc độ phát triển bình quân ba năm 2007 - 2009 về mức độ đóng góp của dân trong ngân sách xã có xu hướng giảm ở các xã phát triển và có xu hướng tăng ở các xã kém phát triển.

Theo Chỉ thị số 24 CT-TTg ngày 11/11 năm 2007 của Chính phủ và Công văn số 6189/BTC-NSNN ngày 29 tháng 4 năm 2009 của Bộ Tài chính, một số khoản đóng góp như quỹ an ninh quốc phòng, quỹ phòng chống thiên tai, lệ phí hộ tịch, hộ khẩu... được bãi bỏ và miễn. Mặc dù vậy, thực tế tại các địa phương, người dân vẫn phải đóng các khoản này dưới hình thức vận động và có nơi còn giao chỉ tiêu thu cho xã.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bộ Tài chính (2009). Công văn số 6189/BTC ngày 29/4/2009 về việc tăng cường chỉ đạo. kiểm tra, rà soát việc huy động đóng góp của nhân dân.

Chính phủ (1999). Nghị định 24/1999/NĐ-CP về việc huy động quỹ đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng phải do nhân dân bàn bạc, quyết định trên cơ sở dân chủ công khai, quyết định theo đa số.

Kim Thị Dung (2010) Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về tài chính công cấp cơ sở và đóng góp của dân trong tài chính công cấp cơ sở, *Tạp chí Khoa học và Phát triển*, Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội, tập 8, số 3 năm 2010.

UNDP, DFID, UNCDF, Cơ quan Hợp tác và Phát triển Ai-len và Pháp (2008). Quản lý tài chính công ở địa phương, Hà Nội.

Uỷ ban Tài chính - Ngân sách Quốc hội (2008). Các khoản đóng góp của nông dân ở một số vùng năm 2007, http://toquoc.gov. vn/vietnam/ tải tháng 5 2009.

Thủ tướng Chính phủ (2007). Chỉ thị số 24 CT-TTg ngày 11/11 năm 2007 về tăng cường chấn chỉnh thực hiện các quy định của pháp luật về phí, lệ phí, chính sách huy động và sử dụng các khoản đóng góp của dân.